

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 Năm 2012

Đơn vị tính : Đồng

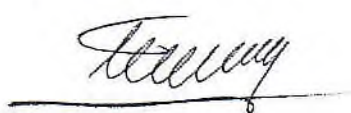
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	598.517.425.791	720.239.285.523	2.432.524.349.570	2.992.636.067.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.966.606.727	808.464.101	8.621.124.022	5.223.397.152
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		594.550.819.064	719.430.821.422	2.423.903.225.548	2.987.412.670.832
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	429.120.019.734	692.610.358.309	2.141.990.498.542	2.709.113.117.759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		165.430.799.330	26.820.463.113	281.912.727.006	278.299.553.073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	9.666.787.686	2.866.000.308	11.005.691.642	9.083.633.675
7. Chi phí tài chính	22		46.590.037.230	167.671.620.044	194.677.121.033	377.547.387.644
Trong đó: Chi phí trả lãi vay	23		36.375.307.315	41.548.030.661	152.388.487.769	181.969.624.685
8. Chi phí bán hàng	24		16.235.034.294	22.489.058.024	72.871.744.181	91.118.994.959
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.409.910.954	19.932.089.246	62.823.120.482	64.412.311.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		93.862.604.538	-180.406.303.893	-37.453.567.048	-245.695.507.394
11. Thu nhập khác	31		566.763.495	484.925.859.039	6.258.568.924	509.482.828.786
12. Chi phí khác	32		164.166.774	253.785.201.754	710.043.485	254.577.642.185
13. Lợi nhuận khác	40		402.596.721	231.140.657.285	5.548.525.439	254.905.186.601
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94.265.201.259	50.734.353.392	-31.905.041.609	9.209.679.207
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	-180.469.418	502.001.045	1.272.388.486	2.494.853.523
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	707.303	0	707.303	0
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		94.444.963.374	50.232.352.347	-33.178.137.398	6.714.825.684
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-537.778.295	332.690.432	1.511.594.299	2.527.470.890
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		94.982.741.669	49.899.661.915	-34.689.731.697	4.187.354.794
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		688	357	-251	30

Lập ngày 29 tháng 01 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị ánh Tuyết

Vũ Hữu Chính